TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/QĐST-DS	*Trà Vinh, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 46/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Thạch P, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V, theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2021 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị H1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị K, sinh năm 1940 (mẹ bà H);

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị K: Ông Thạch T, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V, theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2018 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Ông Thạch T, sinh năm 1965 (em bà H, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

3. Ông Thạch T1, sinh năm 1967 (chồng bà H);

4. Chị Thạch Thị T2, sinh năm 1984 (con bà H);

5. Anh Thạch T3, sinh năm 1986 (con bà H);

6. Chị Thạch Thị Canh N, sinh năm 1989 (con bà H);

7. Chị Thạch Thị Sốc K2, sinh năm 1992 (con bà H);

8. Chị Thạch Thị Pha L, sinh năm 1995 (con bà H);

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị K, ông Thạch T1, chị Thạch Thị T2, anh Thạch T3, chị Thạch Thị Canh N, chị Thạch Thị Sốc K2, chị Thạch Thị Pha L: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V 09/11/2018 (có mặt).

9. Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1970 (vợ ông P);

10. Chị Thạch Thị Ra Q, sinh năm 1993 (con ông P);

11. Anh Thạch Sô P1, sinh năm 1995 (con ông P);

12. Chị Thạch Thị Rặt S, sinh năm 1998 (con ông P);

13. Anh Thạch Sô P2, sinh năm 2000 (con ông P);

14. Anh Thạch Sô P3, sinh năm 2003 (con ông P);

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của chị Thạch Sô Phane, chị Thạch Thị Ra Q, anh Thạch Sô P1, chị Thạch Thị Rặt S, anh Thạch Sô P2, anh Thạch Sô P3: Ông Thạch P, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh V, theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021 (có mặt).

15. Ông Thạch K2, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh R, C (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

16. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ: Khóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh V (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hộ ông Thạch P đồng ý để cho hộ bà Thạch Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 561 diện tích 1.720m^2 (thực đo 969m^2) và thửa số 562 diện tích thực đo 90m^2 cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp R, xã T, huyện T, tỉnh V, đất có vị trí và kích thước như sau:

- Thửa đất số 561:

+ Hướng Đông giáp thửa 567, kích thước 27,50m;

+ Hướng Tây giáp thửa 554, kích thước 28,00m;

+ Hướng Nam giáp thửa 563, kích thước 38,0m;

+ Hướng Bắc giáp thửa 560, kích thước 39,40m.

- Thửa đất 562:

+ Hướng Đông giáp thửa 561, kích thước 11,80m;

+ Hướng Tây giáp thửa 561, kích thước 11,35m;

+ Hướng Nam giáp thửa 561, kích thước 5,59m;

+ Hướng Bắc giáp thửa 561, kích thước 5,33m.

Sơ đồ thửa đất kèm theo Công văn số 17/CV-CNHTrC ngày 12/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh V được đính kèm theo Quyết định này.

Hộ ông Thạch P thống nhất giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CD 853402, số vào sổ cấp GCN: CH03767, cấp ngày 06/10/2016 cho hộ ông Thạch P đối với thửa số 561 diện tích 1.720m^2 (thực đo 969m^2) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CD 853403, số vào sổ cấp GCN: CH03768, cấp ngày 06/10/2016 cho

hộ ông Thạch P đối với thửa số 562 diện tích thực đo 90m^2, cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Sóc R, xã T, huyện T, tỉnh V cho hộ bà Thạch Thị H. Hộ bà Thạch Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp, đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

Hộ bà Thạch Thị H đồng ý trả cho hộ ông Thạch P số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* công sức tôn tạo đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chổ là 2.304.375 đồng *(hai triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng)*, số tiền này ông Thạch P đã nộp tạm ứng trước 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)*, đã chi và còn dư 695.625 đồng *(sáu trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng)*. Hoàn trả cho ông Thạch P số tiền còn dư 695.625 đồng *(sáu trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng)* nhận tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V.

Ông Thạch P và bà Thạch Thị H mỗi bên phải chịu 1.152.187 đồng *(một triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, một trăm tám mươi bảy đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Do ông Thạch P đã nộp tạm ứng trước, nên cơ quan thi hành thu từ bà Thạch Thị H số tiền 1.152.187 đồng *(một triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, một trăm tám mươi bảy đồng)* để hoàn trả cho ông Thạch P.

2.3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thạch P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh V;
- CTHADS tỉnh V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Hữu Bình